

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/DS-PT

Ngày 27/5/2026

*V/v Kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả lại tiền phát sinh từ hợp đồng mua
bán hàng hóa và hợp đồng dịch vụ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Như Phượng và ông Lê Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 36/2026/TLPT-DS ngày 25/02/2026 về việc “*Kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐ-PT ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, tên gọi khác: N, sinh năm 1973; Địa chỉ: C H, xã C, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Làng H, xã C, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064173004996 ngày cấp 27/12/2021. Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Tống Đức N1, sinh năm 1968; Địa chỉ: A L, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: C G, thôn F, xã K, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064172007875 ngày cấp 12/01/2022. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ngô Thế Q thuộc Công ty L; Địa chỉ: 0 P, phường Q, tỉnh Bình Định. Có mặt

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2024; được thay đổi, bổ sung tại bản tự khai ngày 17/7/2024, các biên bản hòa giải ngày 16/8/2024, ngày 15/10/2024, ngày 06/12/2024, ngày 18/6/2025 và ngày 30/9/2025, bản tự khai bổ sung đơn khởi kiện ngày 01/10/2024, đơn xin thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/10/2024, bản giải trình và cung cấp tài liệu, thông tin, chứng cứ ngày 28/10/2024, bản tự khai bổ sung đơn khởi kiện (lần 2) ngày 19/3/2025, các biên bản đối chất ngày 15/10/2024 và ngày 18/6/2025; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tống Đức N1 trình bày:

Do quen biết trong việc kinh doanh, buôn bán hàng hóa nên bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu H1 có mua bán cà phê nhân với nhau, việc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không ký Hợp đồng mua bán. Theo thỏa thuận, mỗi lần mua bán cà phê thì bà H sẽ chuyển tiền trước cho bà H1 để bà H1 đi gom, thu mua cà phê về giao cho bà H. Sau khi nhận cà phê nhân do con rể và con trai bà H1 giao thì bà H có ký sổ theo dõi cho con bà H1 mang về cho bà. Bà H sử dụng tài khoản số 6240069044 tại Chi nhánh Ngân hàng Đ, bà H1 sử dụng tài khoản số 5008205133591 tại Ngân hàng N2 chi nhánh K để giao dịch chuyển tiền. Từ ngày 08/5/2024 đến ngày 19/6/2024, bà H nhiều lần chuyển tiền trước cho bà H1 để thỏa thuận mua cà phê với nhiều mức giá khác nhau, nhưng lần nào bà H1 cũng giao thiếu cà phê cho bà H. Ngày 19/6/2024, qua chốt sổ thì bà H1 còn nợ bà H số tiền 960.110.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 8/5/2024, bà H1 báo sẽ bán cho bà H 6.000kg cà phê nhân với giá 94.000 đồng/kg. Ngày 8/5/2024, bà H chuyển trước cho bà H1 250.000.000 đồng; ngày 9/5/2024, bà H chuyển thêm cho bà H1 250.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2024, bà H1 giao cho bà H 5.030kg cà phê nhân x 94.000 đồng/kg = 472.820.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 27.180.000 đồng.

- Từ ngày 12/5/2024 đến ngày 14/5/2024, bà H 04 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 12/5/2024, chuyển 100.000.000 đồng; Ngày 13/5/2024, chuyển 20.000.000 đồng; Ngày 14/5/2024, chuyển 170.000.000 đồng; Ngày 14/5/2024, chuyển 95.000.000 đồng. Tổng cộng là 385.000.000 đồng + số nợ cũ 27.180.000 đồng = 412.180.000 đồng.

Ngày 16/5/2024, bà H1 giao cho bà H 4.133kg cà phê nhân x 97.021 đồng/kg = 400.990.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 11.190.000 đồng.

- Từ ngày 16/5/2024 đến ngày 18/5/2024, bà H 04 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 16/5/2024, chuyển 98.000.000 đồng; Ngày 16/5/2024, chuyển 260.000.000 đồng; Ngày 18/5/2024, chuyển 350.000.000 đồng; Ngày 18/5/2024,

chuyển 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 808.000.000 đồng + số nợ cũ 11.190.000 đồng = 819.190.000 đồng.

Ngày 19/5/2024, bà H1 giao cho bà H 4.948kg cà phê nhân x 97.928 đồng/kg = 484.550.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 334.640.000 đồng.

- Từ ngày 21/5/2024 đến ngày 22/5/2024, bà H 02 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 21/5/2024, chuyển 450.000.000 đồng; Ngày 22/5/2024, chuyển 250.000.000 đồng. Tổng cộng là 700.000.000 đồng + số nợ cũ 334.640.000 đồng = 1.034.640.000 đồng.

Ngày 24/5/2024, bà H1 giao cho bà H 5.262kg cà phê nhân x 102.462 đồng/kg = 539.160.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 495.480.000 đồng.

- Từ ngày 24/5/2024 đến ngày 26/5/2024, bà H 03 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 24/5/2024, chuyển 199.540.000 đồng; Ngày 26/5/2024, chuyển 300.000.000 đồng; Ngày 26/5/2024, chuyển 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 649.540.000 đồng + số nợ cũ 495.480.000 đồng = 1.145.020.000 đồng.

Ngày 27/5/2024, bà H1 giao cho bà H 4.995kg cà phê nhân x 102.000 đồng/kg = 509.490.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 635.530.000 đồng.

- Ngày 27/5/2024, bà H chuyển cho bà H1 500.000.000 đồng + số nợ cũ 635.530.000 đồng = 1.135.530.000 đồng.

Ngày 28/5/2024, bà H1 giao cho bà H 4.434kg cà phê nhân x 110.615 đồng/kg = 490.470.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 645.060.000 đồng.

- Từ ngày 28/5/2024 đến ngày 29/5/2024, bà H 02 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 28/5/2024, chuyển 57.490.000 đồng. Ngày 29/5/2024, chuyển 900.000.000 đồng. Tổng cộng là 957.490.000 đồng + số nợ cũ 645.060.000 đồng = 1.602.550.000 đồng.

Ngày 30/5/2024, bà H1 giao cho bà H 8.300kg cà phê nhân x 114.000 đồng/kg = 946.200.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 656.350.000 đồng.

- Trong ngày 30/5/2024, bà H 03 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 30/5/2024, chuyển 400.000.000 đồng. Ngày 30/5/2024, chuyển 100.000.000 đồng. Ngày 30/5/2024, chuyển 133.000.000 đồng. Tổng cộng là 633.000.000 đồng + số nợ cũ 656.350.000 đồng = 1.289.350.000 đồng.

Ngày 01/6/2024, bà H1 giao cho bà H 4.700kg cà phê nhân x 121.000 đồng/kg = 568.700.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 720.650.000 đồng.

- Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 02/6/2024, bà H 05 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 01/6/2024, chuyển 400.000.000 đồng. Ngày 01/6/2024, chuyển 80.000.000 đồng. Ngày 02/6/2024, chuyển 200.000.000 đồng. Ngày 02/6/2024, chuyển 300.000.000 đồng. Ngày 02/6/2024, chuyển 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.180.000.000 đồng + số nợ cũ 720.650.000 đồng = 1.900.650.000 đồng.

Ngày 03/6/2024, bà H1 giao cho bà H 10.650kg cà phê nhân x 120.541 đồng/kg = 1.283.770.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 616.880.000 đồng.

- Trong ngày 05/6/2024, bà H 02 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 05/6/2024, chuyển 500.000.000 đồng. Ngày 05/6/2024, chuyển 500.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.000.000.000 đồng + số nợ cũ 616.880.000 đồng = 1.616.885.000 đồng.

Ngày 06/6/2024, bà H1 giao cho bà H 4.838kg cà phê nhân x 118.500 đồng/kg = 573.300.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 1.043.580.000 đồng.

- Trong ngày 06/6/2024, bà H 02 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 06/6/2024, chuyển 300.000.000 đồng. Ngày 06/6/2024, chuyển 600.000.000 đồng. Tổng cộng là 900.000.000 đồng + số nợ cũ 1.043.580.000 đồng = 1.943.585.000 đồng.

Ngày 07/6/2024, bà H1 giao cho bà H 6.336kg cà phê nhân x 118.500 đồng/kg = 750.815.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 1.192.770.000 đồng.

- Trong ngày 13/6/2024, bà H 02 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 13/6/2024, chuyển 400.000.000 đồng. Ngày 13/6/2024, chuyển 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 750.000.000 đồng + số nợ cũ 1.192.770.000 đồng = 1.942.770.000 đồng.

Ngày 14/6/2024, bà H1 giao cho bà H 13.290kg cà phê nhân x 12.271đồng/kg = 1.630.850.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 311.920.000 đồng.

- Từ ngày 14/6/2024 đến ngày 15/6/2024, bà H 04 lần chuyển tiền cho bà H1, cụ thể: Ngày 14/6/2024, chuyển 400.000.000 đồng. Ngày 14/6/2024, chuyển 200.000.000 đồng. Ngày 15/6/2024, chuyển 200.000.000 đồng. Ngày 15/6/2024, chuyển 200.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.000.000.000 đồng + số nợ cũ 311.920.000 đồng = 1.311.920.000 đồng.

Ngày 16/6/2024, bà H1 giao cho bà H 6.454kg cà phê nhân x 120.206 đồng/kg = 775.810.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 536.110.000 đồng.

- Ngày 19/6/2024, bà H chuyển 400.000.000 đồng + số nợ còn lại ngày 16/6/2024 là 536.110.000 đồng = 936.110.000 đồng + nợ tiền gia công xay cà phê vỏ là 24.000.000 đồng = 960.110.000 đồng (*chín trăm sáu mươi triệu một trăm mười ngàn đồng*), nhưng bà H1 không giao cà phê cho bà H. Bà H đã nhiều lần đến nhà bà H1 để yêu cầu bà giao thêm cà phê hoặc trả lại tiền nhưng bà H1 luôn khất lần hoặc trốn tránh, không thực hiện. Việc chuyển tiền của bà H cho bà H1 đã thể hiện rõ trong sao kê tài khoản ngân hàng của hai bên, việc mua bán cà phê được bà H theo dõi cụ thể, chi tiết trong sổ mua bán đã được bà giao nộp cho Tòa làm chứng cứ.

Từ những nội dung trên, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải trả lại cho bà số tiền bà H1 đã nhận nhưng không giao cà phê là 960.110.000 đồng; đồng thời, yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi cho bà H theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện (09/7/2024) cho đến khi bà H lấy lại được tiền.

Về yêu cầu phản tố của bà H1 yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán cà phê là 460.500.000 đồng thì bà H hoàn toàn bác bỏ vì thực tế bà không có nợ bà H1 như bà H1 đòi mà chính bà H1 mới là người còn nợ bà H số tiền 960.110.000 đồng, buộc bà H phải khởi kiện đòi bà H1 trả tiền.

Về nội dung chốt nợ trong tờ lịch bà H1 cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ có nội dung N (tức bà H) nợ H1 233.430.000 đồng đúng là do bà H viết. Địa điểm viết là tại nhà bà H ở thị trấn C, khi con bà H1 lên giao lô cà phê ngày 30/5/2024 thì bà H chưa có tiền trả ngay nên bà chốt trong tờ lịch là bà nợ lại bà H1 lô hàng này với số tiền 233.430.000 đồng, viết vào tờ lịch cho con trai bà H1 đem về giao cho bà H1 (làm sổ chốt tiền chứ không phải nhận nợ với bà H1). Sau đó, cũng trong ngày 30/5/2024, sau khi nhận cà phê bà H1 giao và làm sổ chốt số tiền thì bà H đã 02 lần chuyển khoản trả cho bà H1 với tổng số tiền 233.000.000 đồng (một lần chuyển 100.000.000 đồng, một lần chuyển 133.000.000 đồng), lý do bà không chuyển 01 lần là vì bà chưa đủ tiền ngay, khi có tiền về thì bà mới chuyển được. Đây chỉ là tiền nợ lô hàng ngày 30/5/2024 chứ không phải là chốt nợ của cả quá trình mua bán từ ngày 8/5/2024 đến ngày 30/5/2024.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận nhưng không giao cà phê là 936.110.000 đồng, xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ do gia công xay cà phê vỏ là 24.000.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền 960.110.000 đồng kể từ ngày khởi kiện cho đến khi nguyên đơn lấy lại được tiền; đồng thời đề nghị HĐXX bác bỏ đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về việc áp dụng pháp luật thương mại để giải quyết vụ án, xác định đây là vụ án dân sự và áp dụng pháp luật dân sự để giải quyết nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Nguyên đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện như người đại diện theo ủy quyền của mình đã trình bày. Nguyên đơn giải trình việc khởi kiện ban đầu đòi bị đơn phải trả số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) là làm theo hướng dẫn của cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh G, sau đó do thấy chưa chính xác nên nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Về nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng việc bị đơn giao cà phê thiếu cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn lại tiếp tục

chuyển tiền cho bị đơn để đến khi bị đơn giao thiếu cà phê và nợ lại số tiền lớn là một sự mâu thuẫn được nguyên đơn giải trình là: Việc giao cà phê sẽ giao theo từng chuyến xe, đủ hàng thì mới giao nên mặc dù bị đơn giao thiếu hàng và nợ lại tiền nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục chuyển tiền để bị đơn gom đủ hàng cà phê theo chuyến xe và chờ lên giao cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên.

Nguyên đơn trình bày và đưa ra chứng cứ là các tin nhắn gửi qua ứng dụng Zalo cho bị đơn vào các ngày 06/6/2024 và 17/6/2024 có nội dung về số lượng và giá trị của cà phê trong các lần bị đơn giao cùng số tiền bị đơn đã ứng của nguyên đơn.

Nguyên đơn giải trình trong thời gian từ ngày 08/5/2024 đến ngày 19/6/2024, nguyên đơn đã 44 lần chuyển tiền cho bị đơn nhưng chỉ có 37 lần là liên quan đến quan hệ tranh chấp này, còn 07 lần chuyển tiền khác thì có khoản dùng để mua bán tiêu với bị đơn, bị đơn đã giao đủ tiêu và đã nhận đủ tiền nên hai bên không có tranh chấp, có một số khoản chuyển nhỏ là tiền nguyên đơn hỗ trợ thêm cho bị đơn do bị đơn nói bị lỗi trong một số chuyến hàng.

Tại các bản tự khai ngày 26/7/2024, được bổ sung tại bản tự khai ngày 18/6/2025, bản trình bày quan điểm ngày 19/11/2024, đơn yêu cầu phản tố ngày 05/12/2024, các biên bản hòa giải ngày 16/8/2024, ngày 15/10/2024, ngày 06/12/2024, ngày 18/6/2025 và ngày 30/9/2025, các biên bản đối chất ngày 15/10/2024 và ngày 18/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Việc mua bán cà phê nhân giữa bà với bà Nguyễn Thị Ngọc H trong khoảng thời gian từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024 giữa hai bên đã đối chiếu công nợ và bà H đã chốt nợ với bà, bà H đã ghi trong tờ lịch được bà nộp cho Tòa án làm chứng cứ, theo đó tính đến ngày 30/5/2024, bà H còn nợ lại bà số tiền mua cà phê nhân là 233.430.000 đồng. Cũng trong ngày 30/5/2024, bà H đã chuyển trả cho bà toàn bộ số tiền nợ trên nên việc mua bán giữa hai bên trong khoảng thời gian này đã tất toán xong, hai bên không có nợ nần gì nhau nữa. Vì vậy, tất cả chứng từ, sổ sách theo dõi việc mua bán trong thời gian này hiện bà không còn lưu giữ, việc bà H khai bà có ký chốt sổ cho bà trong các lần giao hàng là không có, mà hai bên mở sổ để tự theo dõi riêng.

Việc mua bán giữa bà và bà H tiếp tục diễn ra từ ngày 01/6/2024 cho đến ngày 19/6/2024, do khoảng thời gian mua bán này bà H còn nợ bà nên bà còn theo dõi trong sổ mua bán, cụ thể như sau:

- Ngày 01/6/2024, bà giao cho bà H 4.700kg cà phê nhân thành tiền là 569.640.000 đồng, trừ đi 400.000.000 đồng bà H chuyển ngày 01/6/2024, bà H còn nợ lại 169.640.000 đồng.

- Ngày 02/6/2024, bà H chuyển 200.000.000 đồng để trả nợ ngày

01/6/2024 nên bà còn nợ lại bà H 30.360.000 đồng. Sau đó, trong ngày 02/6/2024, bà H chuyển cho bà 02 lần với số tiền là 500.000.000 đồng.

- Ngày 03/6/2024, bà giao cho bà H 02 lần với số lượng 10.650kg cà phê nhân thành tiền là 1.288.650.000 đồng, trừ vào số tiền bà H đã chuyển 530.360.000 đồng (30.360.000 đồng + 500.000.000 đồng) thì bà H còn nợ lại 758.290.000 đồng.

Sau đó, theo yêu cầu của bà thì bà H đã chuyển cho bà 02 lần vào ngày 05/6/2024 với số tiền là 1.000.000.000 đồng để thanh toán khoản tiền nợ nói trên nên bà H còn dư lại là 241.710.000 đồng

- Ngày 06/6/2024, bà bán cho bà H 4.838kg cà phê nhân thành tiền là 590.236.000 đồng, làm tròn là 590.230.000 đồng, trừ đi số tiền bà H chuyển còn lại nói trên thì bà H còn nợ lại 348.520.000 đồng.

Sau đó, bà H chuyển cho bà 300.000.000 đồng nên bà H còn thiếu lại bà 48.520.000 đồng.

Tiếp tục, bà H chuyển cho bà 600.000.000 đồng nên bà còn thiếu lại bà H 551.480.000 đồng.

- Ngày 07/6/2024, bà giao cho bà H 6.336kg cà phê nhân thành tiền là 755.320.000 đồng, trừ đi 551.480.000 đồng nên bà H còn nợ lại 203.840.000 đồng.

Ngày 13/6/2024, bà H chuyển cho bà 02 lần với tổng số tiền 750.000.000 đồng, trừ đi số tiền 203.840.000 đồng bà H còn nợ thì bà H còn dư 546.160.000 đồng.

- Ngày 14/6/2024, bà bán cho bà H 13.290kg cà phê nhân thành tiền là 1.630.857.000 đồng nên bà H còn nợ lại bà 1.084.690.000 đồng.

Trong hai ngày 14 và 15/6/2024, bà H chuyển cho bà 04 lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng nên bà H còn nợ lại 84.690.000 đồng.

Ngày 16/6/2024, bà bán cho bà H 6.454kg cà phê nhân thành tiền là 775.810.000 đồng nên bà H còn nợ lại 860.500.000 đồng.

Ngày 19/6/2024, bà H chuyển cho bà 400.000.000 đồng nên bà H còn nợ lại 460.500.000 đồng.

Như vậy, việc bà H kiện yêu cầu bà trả số tiền 960.110.000 đồng là không đúng, chính bà H là người còn nợ bà số tiền do mua bán cà phê là 460.500.000 đồng. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và có yêu cầu phản tố đề nghị bà H phải cho bà số tiền nợ do mua bán cà phê là 460.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như nói ở trên và bổ sung thêm ở phần yêu cầu phản tố, theo đó bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền lãi của số tiền nợ 460.500.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/7/2024 cho đến

ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2025 là 41.445.000 đồng.

Bị đơn cho rằng khi khởi kiện ban đầu chính nguyên đơn cũng không đưa các nội dung mua bán giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024 vào vụ kiện; vì vậy, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lên đến 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*); chỉ đến khi bị đơn đưa ra tờ giấy nguyên đơn chốt nợ vào ngày 30/5/2024 thì nguyên đơn mới đưa phần mua bán này vào và thay đổi yêu cầu khởi kiện, điều này thể hiện việc mâu thuẫn ngay từ đầu về yêu cầu khởi kiện và việc khởi kiện của nguyên đơn là không đúng.

Bị đơn nhất trí là trong các lần nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn thì có một số lần chuyển tiền để hai bên mua bán tiêu với nhau, bị đơn đã giao đủ tiêu và đã nhận đủ tiền nên hai bên không có tranh chấp; có một số khoản chuyển nhỏ là tiền nguyên đơn bớt của bị đơn trong một số chuyển hàng nhưng bị đơn không đồng ý nên nguyên đơn chuyển trả lại cho bị đơn, chứ không phải nguyên đơn hỗ trợ thêm cho bị đơn.

Bị đơn thừa nhận có nhận được các tin nhắn qua ứng dụng Zalo do nguyên đơn gửi về có các số liệu mua bán giữa hai bên.

Tại các biên bản hòa giải ngày 18/6/2025 và ngày 30/10/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Ngô Thế Q trình bày:

Các nội dung bà H1 trình bày là đúng sự thật và đã đầy đủ nên ông hoàn toàn nhất trí. Ông chỉ bổ sung thêm để bảo vệ quyền lợi cho bà H1 bằng toàn bộ nội dung Bản tự khai ngày 18/6/2025 bà H1 mới nộp cho Tòa án (kèm theo Bản đối chiếu tiền hàng từ ngày 01/6/2024 đến ngày 19/6/2024) để quý Tòa xem xét giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị xem xét việc bà H và bà H1 đều có đăng ký kinh doanh để áp dụng pháp luật thương mại để giải quyết theo khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại (phần bà H1 có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, bà H có đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp).

- Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền 960.110.000 đồng là tương đối lớn, không thể có việc bà H chuyển tiền cho bà H1 nhiều lần, kể từ thời điểm ngày 30/5/2024, bà H1 giao cả phê thiếu cho bà H mà bà H lại tiếp tục chuyển tiền cho bà H1 để đến khi bà H1 thiếu cả phê và nợ lại số tiền lớn như bà H trình bày là một sự mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như nói ở trên và thay mặt bị đơn bổ sung thêm ở phần yêu cầu phản tố, theo đó bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền lãi của số tiền nợ 460.500.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2025 là 41.445.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng quan hệ tranh chấp này là kinh doanh thương mại nên cần áp dụng Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết và như vậy thì nguyên đơn không còn thời hiệu khiếu nại về số lượng hàng hóa bên bán giao không đủ số lượng. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của nguyên đơn có rất nhiều mâu thuẫn nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu khởi tố của bị đơn.

2. Quyết định của bản án sơ thẩm

Quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ vào các Điều 26, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 351, 353, 357, 385, 413, 430, 437 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho bà H số tiền bà H1 đã nhận phát sinh từ hợp đồng mua bán cà phê nhân là 900.178.960 đồng (*chín trăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật

3. Nội dung kháng cáo.

Ngày 19/01/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung vì có vi phạm về tố tụng và nội dung.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến xác định trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm được cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai và giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu H1 có mua bán cà phê nhân với nhau, việc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không ký Hợp đồng mua bán, tuy nhiên hai bên đều có đăng ký kinh doanh về lĩnh vực mua bán hàng hóa nông sản, các bên đều có mục đích lợi nhuận khi thực hiện giao dịch, do đó, đây là tranh chấp về kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự thì giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Như vậy, không có quy định bắt buộc các bên phải lập hợp đồng mua bán hàng hóa trên cơ sở hộ kinh doanh mới được xác định là phát sinh giao dịch trong hoạt động kinh doanh.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự và áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết vì cho rằng hai bên không ký kết hợp đồng trên cơ sở hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp mà chỉ mua bán hàng hóa với tư cách cá nhân, chuyển tiền và giao nhận cho nhau là không đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã nhận nhưng không giao cà phê là 936.110.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: *“Chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho bà H số tiền bà H1 đã nhận phát sinh từ hợp đồng mua bán cà phê nhân là 900.178.960 đồng”*, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định phần nào không chấp nhận và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ngày 05/12/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 có Đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả số tiền còn nợ

là 460.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng tại phần “Quyết định” của Bản án đã không tuyên giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là không giải quyết triệt để vụ án; không buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là vi phạm khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[2] Về nội dung của vụ án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H sử dụng tài khoản số 6240069044 tại Chi nhánh Ngân hàng Đ để chuyển tiền đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H1 số 5008205133591 tại Ngân hàng N2 chi nhánh K để bà H1 đi gom, thu mua cà phê về giao lại cho bà H. Trong khoảng thời gian từ ngày 8/5/2024 đến ngày 19/6/2024, bà H đã 44 lần chuyển cho bà H1 và không ghi nội dung chuyển khoản, trong khi đó các bên đều thừa nhận ngoài việc mua bán cà phê, các bên còn mua bán tiêu, gia công xay cà phê vỏ, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để xác định việc chuyển tiền để phục vụ cho việc mua bán cà phê nhân giữa hai bên với tổng số tiền là 10.363.035.000 đồng với 37 lần chuyển tiền là không có căn cứ.

Mặt khác, nguyên đơn bà H thừa nhận nội dung chốt nợ trong tờ lịch bà H1 cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ có nội dung N (tức bà H) nợ H1 233.430.000 đồng đúng là do bà H viết. Địa điểm viết là tại nhà bà H ở thị trấn C, khi con bà H1 lên giao lô cà phê ngày 30/5/2024, tuy nhiên bà chỉ cho rằng đây là tiền nợ lô hàng ngày 30/5/2024 chứ không phải là chốt nợ của cả quá trình mua bán từ ngày 8/5/2024 đến ngày 30/5/2024, điều này không phù hợp với phương thức giao tiền và mua bán hàng hóa của hai bên.

Do đó, để xác định số tiền các bên còn nợ cần phải đối chiếu tất cả các lần chuyển khoản với mục đích gì của bà H và những lần giao hàng của bà H1, việc đối chiếu, xác minh này Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được, do vậy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục chung.
2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000738 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 14-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Người TGT;
- Lưu HSVA, TDS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Bá Dự